

Số: /TB-TCKH

Bắc Hà, ngày tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO
Dự toán bổ sung từ ngân sách huyện năm 2025 cho trường học

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Quyết định số 1968/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND huyện Bắc Hà Về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư công và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 huyện Bắc Hà;

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo bổ sung từ ngân sách huyện cho các trường học trên địa bàn huyện Bắc Hà năm 2025 số tiền: **504.418.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Năm trăm linh bốn tỷ, bốn trăm mười tám triệu đồng chẵn)

(Chi tiết biểu kèm theo)

Phòng Tài chính - Kế hoạch thông báo để các trường học, Kho bạc Nhà nước huyện Bắc Hà biết và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- KBNN;
- Các trường học;
- Lưu: VT. TCKH.

TRƯỞNG PHÒNG

Lê Hải Yến

BIỂU THÔNG BÁO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-TCKH ngày tháng năm 2025 của Phòng Tài chính - KH huyện Bắc Hà)

ĐVT: Đồng

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Tổng cộng	Kinh phí giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 13	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12			
						Cộng	KP thực hiện các nhiệm vụ của trường	Kinh phí cho giáo viên	Kinh phí cho học sinh
1	2	3	4	5=6+7	6	7=8+9+10	8	9	10
	Tổng cộng			504.418.000.000	446.271.000.000	58.147.000.000	4.335.000.000	3.045.000.000	50.767.000.000
1	Trường Mầm non Thị trấn Bắc Hà	1081801	622-070-071	9.152.400.000	8.942.000.000	210.400.000	35.400.000	53.000.000	122.000.000
2	Trường Mầm non Thái Giàng Phố	1127116	622-070-071	9.206.000.000	8.812.000.000	394.000.000	41.000.000	38.000.000	315.000.000
3	Trường Mầm non Tả Van Chư	1132241	622-070-071	7.324.600.000	6.770.000.000	554.600.000	37.600.000	55.000.000	462.000.000
4	Trường Mầm non Tà Chải	1127118	622-070-071	5.654.600.000	5.308.000.000	346.600.000	28.600.000	74.000.000	244.000.000
5	Trường Mầm Non Tả Cù Tỷ	1133070	622-070-071	6.274.400.000	5.764.000.000	510.400.000	35.400.000	43.000.000	432.000.000
6	Trường Mầm non Nậm Mòn	1127122	622-070-071	8.209.200.000	7.622.000.000	587.200.000	37.200.000	38.000.000	512.000.000
7	Trường Mầm Non Nậm Lúc	1133072	622-070-071	6.534.000.000	5.994.000.000	540.000.000	36.000.000	60.000.000	444.000.000
8	Trường Mầm non Nậm Khánh	1127949	622-070-071	3.048.800.000	2.460.000.000	588.800.000	290.800.000	43.000.000	255.000.000
9	Trường Mầm Non Nậm Đét	1133069	622-070-071	5.144.800.000	4.765.000.000	379.800.000	28.800.000	57.000.000	294.000.000
10	Trường Mầm non Na Hối	1095512	622-070-071	7.219.200.000	6.743.000.000	476.200.000	38.200.000	44.000.000	394.000.000
11	Trường Mầm non Lũng Phình	1127126	622-070-071	7.208.200.000	6.676.000.000	532.200.000	37.200.000	54.000.000	441.000.000
12	Trường Mầm non Lũng Cài	1127124	622-070-071	7.127.800.000	6.675.000.000	452.800.000	32.800.000	36.000.000	384.000.000
13	Trường Mầm non Hoàng Thu Phố	1129503	622-070-071	8.758.600.000	7.832.000.000	926.600.000	441.600.000	0	485.000.000
14	Trường Mầm Non Cốc Ly	1133075	622-070-071	11.726.400.000	10.596.000.000	1.130.400.000	297.400.000	93.000.000	740.000.000
15	Trường Mầm non Cốc Lầu	1132239	622-070-071	5.857.000.000	5.455.000.000	402.000.000	34.000.000	36.000.000	332.000.000
16	Trường Mầm non Bảo Nhai	1127114	622-070-071	11.591.400.000	11.059.000.000	532.400.000	44.400.000	54.000.000	434.000.000
17	Trường Mầm non Bản Phố	1127111	622-070-071	9.610.400.000	8.981.000.000	629.400.000	40.400.000	27.000.000	562.000.000
18	Trường Mầm non Bản Liền	1127120	622-070-071	5.358.800.000	4.628.000.000	730.800.000	271.800.000	54.000.000	405.000.000
19	Trường Mầm Non Bản Cái	1133050	622-070-071	3.396.000.000	2.960.000.000	436.000.000	197.000.000	43.000.000	196.000.000
20	Trường Tiểu học Thị trấn Bắc Hà	1081800	622-070-072	14.371.400.000	14.082.000.000	289.400.000	28.400.000	181.000.000	80.000.000
21	Trường Tiểu học Na Hối	1081798	622-070-072	7.001.400.000	6.622.000.000	379.400.000	298.400.000	32.000.000	49.000.000
22	Trường Tiểu học Bảo Nhai A	1081803	622-070-072	9.171.400.000	8.950.000.000	221.400.000	28.400.000	81.000.000	112.000.000
23	Trường Tiểu học Bảo Nhai B	1127119	622-070-072	12.927.400.000	11.561.000.000	1.366.400.000	39.400.000	166.000.000	1.161.000.000
24	Trường PTDTBT Tiểu học Thái Giàng Phố	1095510	622-070-072	16.797.400.000	14.977.000.000	1.820.400.000	41.400.000	48.000.000	1.731.000.000
25	Trường PTDTBT TH Nậm Mòn 1	1126581	622-070-072	7.122.200.000	6.209.000.000	913.200.000	34.200.000	32.000.000	847.000.000
26	Trường PTDTB TH Nậm Mòn 2	1127123	622-070-072	9.023.600.000	8.075.000.000	948.600.000	35.600.000	41.000.000	872.000.000

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Tổng cộng	Kinh phí giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 13	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12			
						Cộng	KP thực hiện các nhiệm vụ của trường	Kinh phí cho giáo viên	Kinh phí cho học sinh
27	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Lúc	1133074	622-070-072	11.985.400.000	10.038.000.000	1.947.400.000	47.400.000	16.000.000	1.884.000.000
28	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Đét	1133073	622-070-072	8.003.200.000	7.111.000.000	892.200.000	36.200.000	32.000.000	824.000.000
29	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 1	1127121	622-070-072	8.030.600.000	7.098.000.000	932.600.000	33.600.000	16.000.000	883.000.000
30	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 2	1126578	622-070-072	9.366.200.000	8.170.000.000	1.196.200.000	35.200.000	16.000.000	1.145.000.000
31	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 1	1130873	622-070-072	9.235.800.000	8.160.000.000	1.075.800.000	38.800.000	0	1.037.000.000
32	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 2	1130874	622-070-072	8.810.400.000	7.612.000.000	1.198.400.000	41.400.000	16.000.000	1.141.000.000
33	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 1	1133052	622-070-072	12.105.400.000	9.819.000.000	2.286.400.000	287.400.000	16.000.000	1.983.000.000
34	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 2	1133068	622-070-072	10.569.400.000	9.170.000.000	1.399.400.000	35.400.000	127.000.000	1.237.000.000
35	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Lầu	1132238	622-070-072	10.791.000.000	9.309.000.000	1.482.000.000	43.000.000	163.000.000	1.276.000.000
36	Trường PTDTBT Tiểu học Bản Phố	1095511	622-070-072	9.342.400.000	8.128.000.000	1.214.400.000	33.400.000	162.000.000	1.019.000.000
37	Trường THCS Thị trấn Bắc Hà	1081796	622-070-073	9.767.400.000	9.603.000.000	164.400.000	31.400.000	89.000.000	44.000.000
38	Trường THCS Na Hối	1127117	622-070-073	5.134.400.000	4.988.000.000	146.400.000	28.400.000	65.000.000	53.000.000
39	Trường THCS Bảo Nhai	1127113	622-070-073	8.161.400.000	7.635.000.000	526.400.000	55.400.000	64.000.000	407.000.000
40	Trường THCS Nậm Môn	1126579	622-070-073	5.736.200.000	4.846.000.000	890.200.000	46.200.000	16.000.000	828.000.000
41	Trường PTDTBT THCS Nậm Lúc	1133055	622-070-073	8.336.600.000	6.658.000.000	1.678.600.000	47.600.000	32.000.000	1.599.000.000
42	Trường PTDTBT THCS Thái Giàng Phố	1126566	622-070-073	10.444.400.000	8.653.000.000	1.791.400.000	67.400.000	16.000.000	1.708.000.000
43	Trường PTDTBT THCS Nậm Đét	1133076	622-070-073	6.915.800.000	6.111.000.000	804.800.000	42.800.000	39.000.000	723.000.000
44	Trường PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	1130872	622-070-073	10.199.400.000	8.395.000.000	1.804.400.000	56.400.000	0	1.748.000.000
45	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 1	1133066	622-070-073	8.279.800.000	6.740.000.000	1.539.800.000	52.800.000	16.000.000	1.471.000.000
46	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 2	1133054	622-070-073	7.748.800.000	6.687.000.000	1.061.800.000	49.800.000	44.000.000	968.000.000
47	Trường PTDTBT THCS Cốc Lầu	1132240	622-070-073	6.021.200.000	4.783.000.000	1.238.200.000	48.200.000	32.000.000	1.158.000.000
48	Trường PTDTBT THCS Bản Phố	1127115	622-070-073	5.349.400.000	4.148.000.000	1.201.400.000	51.400.000	136.000.000	1.014.000.000
49	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Van Chư	1132233	622-070-073	16.288.800.000	13.832.000.000	2.456.800.000	59.800.000	16.000.000	2.381.000.000
50	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 1	1133071	622-070-073	10.532.400.000	8.592.000.000	1.940.400.000	49.400.000	53.000.000	1.838.000.000
51	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 2	1133051	622-070-073	8.674.400.000	6.994.000.000	1.680.400.000	49.400.000	70.000.000	1.561.000.000
52	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	1127950	622-070-073	6.982.400.000	5.553.000.000	1.429.400.000	200.400.000	16.000.000	1.213.000.000
53	Trường PTDTBT TH&THCS Lũng Cái	1127112	622-070-073	16.458.400.000	13.191.000.000	3.267.400.000	62.400.000	91.000.000	3.114.000.000
54	Trường PTDTBT TH & THCS Bản Liền	1126567	622-070-073	14.697.400.000	12.687.000.000	2.010.400.000	55.400.000	89.000.000	1.866.000.000
55	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Cái	1133067	622-070-073	8.562.400.000	7.343.000.000	1.219.400.000	44.400.000	68.000.000	1.107.000.000
56	Trường TH và THCS Na Hối	1133581	622-070-073	9.327.600.000	9.088.000.000	239.600.000	44.600.000	16.000.000	179.000.000
57	Trung tâm Giáo dục NN- GDTX huyện	1121590	622-070-075	7.742.200.000	6.611.000.000	1.131.200.000	48.200.000	30.000.000	1.053.000.000

(Chi tiết tại phụ lục 1,2,3 kèm theo)

PHỤ BIỂU THÔNG BÁO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-TCKH ngày tháng năm 2025 của Phòng Tài chính - KH huyện Bắc Hà)

DVT: Đồng

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12					
					Kinh phí diện nước phòng học, phòng bán trú	Kinh phí phần mềm	Kinh phí trang trí, cải tạo trường, lớp học, khuôn viên	Kinh phí mua thiết bị văn phòng, đồ dùng	Kinh phí mua bổ sung thiết bị dạy học	Kinh phí hỗ trợ cấp bù học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP
	Tổng cộng			4.335.000.000	968.000.000	969.000.000	355.000.000	545.000.000	1.090.000.000	408.000.000
1	Trường Mầm non Thị trấn Bắc Hà	1081801	622-070-071	35.400.000	11.400.000	17.000.000				7.000.000
2	Trường Mầm non Thái Giàng Phố	1127116	622-070-071	41.000.000	12.000.000	17.000.000				12.000.000
3	Trường Mầm non Tả Van Chư	1132241	622-070-071	37.600.000	9.600.000	17.000.000				11.000.000
4	Trường Mầm non Tà Chải	1127118	622-070-071	28.600.000	6.600.000	17.000.000				5.000.000
5	Trường Mầm Non Tà Cù Tỷ	1133070	622-070-071	35.400.000	8.400.000	17.000.000				10.000.000
6	Trường Mầm non Nậm Mòn	1127122	622-070-071	37.200.000	10.200.000	17.000.000				10.000.000
7	Trường Mầm Non Nậm Lúc	1133072	622-070-071	36.000.000	9.000.000	17.000.000				10.000.000
8	Trường Mầm non Nậm Khánh	1127949	622-070-071	290.800.000	4.800.000	17.000.000	40.000.000	100.000.000	125.000.000	4.000.000
9	Trường Mầm Non Nậm Đét	1133069	622-070-071	28.800.000	7.800.000	17.000.000				4.000.000
10	Trường Mầm non Na Hối	1095512	622-070-071	38.200.000	10.200.000	17.000.000				11.000.000
11	Trường Mầm non Lũng Phình	1127126	622-070-071	37.200.000	10.200.000	17.000.000				10.000.000
12	Trường Mầm non Lũng Cải	1127124	622-070-071	32.800.000	4.800.000	17.000.000				11.000.000
13	Trường Mầm non Hoàng Thu Phố	1129503	622-070-071	441.600.000	9.600.000	17.000.000	110.000.000	100.000.000	190.000.000	15.000.000
14	Trường Mầm Non Cốc Ly	1133075	622-070-071	297.400.000	11.400.000	17.000.000			250.000.000	19.000.000
15	Trường Mầm non Cốc Lầu	1132239	622-070-071	34.000.000	9.000.000	17.000.000				8.000.000
16	Trường Mầm non Bảo Nhai	1127114	622-070-071	44.400.000	11.400.000	17.000.000				16.000.000
17	Trường Mầm non Bản Phố	1127111	622-070-071	40.400.000	11.400.000	17.000.000				12.000.000
18	Trường Mầm non Bản Liền	1127120	622-070-071	271.800.000	7.800.000	17.000.000	40.000.000	35.000.000	165.000.000	7.000.000
19	Trường Mầm Non Bản Cái	1133050	622-070-071	197.000.000	6.000.000	17.000.000	25.000.000	35.000.000	110.000.000	4.000.000
20	Trường Tiểu học Thị trấn Bắc Hà	1081800	622-070-072	28.400.000	11.400.000	17.000.000				
21	Trường Tiểu học Na Hối	1081798	622-070-072	298.400.000	11.400.000	17.000.000	90.000.000	60.000.000	120.000.000	
22	Trường Tiểu học Bảo Nhai A	1081803	622-070-072	28.400.000	11.400.000	17.000.000				
23	Trường Tiểu học Bảo Nhai B	1127119	622-070-072	39.400.000	22.400.000	17.000.000				
24	Trường PTDTBT Tiểu học Thái Giàng Phố	1095510	622-070-072	41.400.000	24.400.000	17.000.000				
25	Trường PTDTBT TH Nậm Mòn 1	1126581	622-070-072	34.200.000	17.200.000	17.000.000				

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12					
					Kinh phí điện nước phòng học, phòng bán trú	Kinh phí phần mềm	Kinh phí trang trí, cải tạo trường, lớp học, khuôn viên	Kinh phí mua thiết bị văn phòng, đồ dùng	Kinh phí mua bổ sung thiết bị dạy học	Kinh phí hỗ trợ cấp bù học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP
26	Trường PTDTB TH Nậm Mòn 2	1127123	622-070-072	35.600.000	18.600.000	17.000.000				
27	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Lúc	1133074	622-070-072	47.400.000	30.400.000	17.000.000				
28	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Đét	1133073	622-070-072	36.200.000	19.200.000	17.000.000				
29	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 1	1127121	622-070-072	33.600.000	16.600.000	17.000.000				
30	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 2	1126578	622-070-072	35.200.000	18.200.000	17.000.000				
31	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 1	1130873	622-070-072	38.800.000	21.800.000	17.000.000				
32	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 2	1130874	622-070-072	41.400.000	24.400.000	17.000.000				
33	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 1	1133052	622-070-072	287.400.000	30.400.000	17.000.000	30.000.000	80.000.000	130.000.000	
34	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 2	1133068	622-070-072	35.400.000	18.400.000	17.000.000				
35	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Lầu	1132238	622-070-072	43.000.000	26.000.000	17.000.000				
36	Trường PTDTBT Tiểu học Bản Phố	1095511	622-070-072	33.400.000	16.400.000	17.000.000				
37	Trường THCS Thị trấn Bắc Hà	1081796	622-070-073	31.400.000	11.400.000	17.000.000				3.000.000
38	Trường THCS Na Hối	1127117	622-070-073	28.400.000	8.400.000	17.000.000				3.000.000
39	Trường THCS Bảo Nhai	1127113	622-070-073	55.400.000	24.400.000	17.000.000				14.000.000
40	Trường THCS Nậm Mòn	1126579	622-070-073	46.200.000	17.200.000	17.000.000				12.000.000
41	Trường PTDTBT THCS Nậm Lúc	1133055	622-070-073	47.600.000	16.600.000	17.000.000				14.000.000
42	Trường PTDTBT THCS Thái Giàng Phố	1126566	622-070-073	67.400.000	30.400.000	17.000.000				20.000.000
43	Trường PTDTBT THCS Nậm Đét	1133076	622-070-073	42.800.000	18.800.000	17.000.000				7.000.000
44	Trường PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	1130872	622-070-073	56.400.000	22.400.000	17.000.000				17.000.000
45	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 1	1133066	622-070-073	52.800.000	21.800.000	17.000.000				14.000.000
46	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 2	1133054	622-070-073	49.800.000	21.800.000	17.000.000				11.000.000
47	Trường PTDTBT THCS Cốc Lầu	1132240	622-070-073	48.200.000	19.200.000	17.000.000				12.000.000
48	Trường PTDTBT THCS Bản Phố	1127115	622-070-073	51.400.000	24.400.000	17.000.000				10.000.000
49	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Van Chư	1132233	622-070-073	59.800.000	29.800.000	17.000.000				13.000.000
50	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 1	1133071	622-070-073	49.400.000	24.400.000	17.000.000				8.000.000
51	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 2	1133051	622-070-073	49.400.000	25.400.000	17.000.000				7.000.000
52	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	1127950	622-070-073	200.400.000	22.400.000	17.000.000	20.000.000	135.000.000		6.000.000
53	Trường PTDTBT TH&THCS Lũng Cái	1127112	622-070-073	62.400.000	30.400.000	17.000.000				15.000.000
54	Trường PTDTBT TH & THCS Bản Liền	1126567	622-070-073	55.400.000	28.400.000	17.000.000				10.000.000
55	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Cái	1133067	622-070-073	44.400.000	20.400.000	17.000.000				7.000.000
56	Trường TH và THCS Na Hối	1133581	622-070-073	44.600.000	21.600.000	17.000.000				6.000.000
57	Trung tâm Giáo dục NN- GDTX huyện	1121590	622-070-075	48.200.000	18.200.000	17.000.000				13.000.000

PHỤ BIỂU THÔNG BÁO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-TCKH ngày tháng năm 2025 của Phòng Tài chính - KH huyện Bắc Hà)

ĐVT: Đồng

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12				
					Kinh phí hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép MN theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	Kinh phí hỗ trợ giáo viên trực tiếp quản lý học sinh bán trú	Kinh phí hỗ trợ hợp đồng bảo vệ tại các trường học	Kinh phí hợp đồng nhân viên y tế trường học	Kinh phí giáo viên dạy HS khuyết tật học hòa nhập
	Tổng cộng			3.045.000.000	420.000.000	30.000.000	736.000.000	320.000.000	1.539.000.000
1	Trường Mầm non Thị trấn Bắc Hà	1081801	622-070-071	53.000.000	22.000.000		16.000.000		15.000.000
2	Trường Mầm non Thái Giàng Phố	1127116	622-070-071	38.000.000	38.000.000				
3	Trường Mầm non Tả Van Chư	1132241	622-070-071	55.000.000	39.000.000		16.000.000		
4	Trường Mầm non Tả Chải	1127118	622-070-071	74.000.000	31.000.000		16.000.000		27.000.000
5	Trường Mầm Non Tả Cù Tỷ	1133070	622-070-071	43.000.000	27.000.000			16.000.000	
6	Trường Mầm non Nậm Mòn	1127122	622-070-071	38.000.000	22.000.000		16.000.000		
7	Trường Mầm Non Nậm Lúc	1133072	622-070-071	60.000.000	28.000.000		16.000.000	16.000.000	
8	Trường Mầm non Nậm Khánh	1127949	622-070-071	43.000.000	11.000.000		16.000.000	16.000.000	
9	Trường Mầm Non Nậm Đét	1133069	622-070-071	57.000.000	4.000.000		16.000.000	16.000.000	21.000.000
10	Trường Mầm non Na Hối	1095512	622-070-071	44.000.000	28.000.000		16.000.000		
11	Trường Mầm non Lũng Phình	1127126	622-070-071	54.000.000	22.000.000		16.000.000	16.000.000	
12	Trường Mầm non Lũng Cãi	1127124	622-070-071	36.000.000	20.000.000		16.000.000		
13	Trường Mầm non Hoàng Thu Phố	1129503	622-070-071	-					
14	Trường Mầm Non Cốc Ly	1133075	622-070-071	93.000.000	64.000.000		16.000.000		13.000.000
15	Trường Mầm non Cốc Lầu	1132239	622-070-071	36.000.000	4.000.000		16.000.000		16.000.000
16	Trường Mầm non Bảo Nhai	1127114	622-070-071	54.000.000	11.000.000		16.000.000		27.000.000
17	Trường Mầm non Bản Phố	1127111	622-070-071	27.000.000			16.000.000		11.000.000
18	Trường Mầm non Bản Liền	1127120	622-070-071	54.000.000	38.000.000			16.000.000	
19	Trường Mầm Non Bản Cãi	1133050	622-070-071	43.000.000	11.000.000		16.000.000	16.000.000	
20	Trường Tiểu học Thị trấn Bắc Hà	1081800	622-070-072	181.000.000			16.000.000	16.000.000	149.000.000
21	Trường Tiểu học Na Hối	1081798	622-070-072	32.000.000			16.000.000	16.000.000	
22	Trường Tiểu học Bảo Nhai A	1081803	622-070-072	81.000.000			16.000.000		65.000.000
23	Trường Tiểu học Bảo Nhai B	1127119	622-070-072	166.000.000			16.000.000		150.000.000
24	Trường PTDTBT Tiểu học Thái Giàng Phố	1095510	622-070-072	48.000.000			16.000.000		32.000.000
25	Trường PTDTBT TH Nậm Mòn 1	1126581	622-070-072	32.000.000			16.000.000	16.000.000	
26	Trường PTDTB TH Nậm Mòn 2	1127123	622-070-072	41.000.000			16.000.000		25.000.000

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12				
					Kinh phí hỗ trợ giáo viên dạy lớp ghép MN theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	Kinh phí hỗ trợ giáo viên trực tiếp quản lý học sinh bán trú	Kinh phí hỗ trợ hợp đồng bảo vệ tại các trường học	Kinh phí hợp đồng nhân viên y tế trường học	Kinh phí giáo viên dạy HS khuyết tật học hòa nhập
27	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Lúc	1133074	622-070-072	16.000.000			16.000.000		
28	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Đét	1133073	622-070-072	32.000.000			16.000.000	16.000.000	
29	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 1	1127121	622-070-072	16.000.000			16.000.000		
30	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 2	1126578	622-070-072	16.000.000			16.000.000		
31	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 1	1130873	622-070-072	-					
32	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 2	1130874	622-070-072	16.000.000			16.000.000		
33	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 1	1133052	622-070-072	16.000.000			16.000.000		
34	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 2	1133068	622-070-072	127.000.000			16.000.000	16.000.000	95.000.000
35	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Lầu	1132238	622-070-072	163.000.000			16.000.000	16.000.000	131.000.000
36	Trường PTDTBT Tiểu học Bản Phố	1095511	622-070-072	162.000.000			16.000.000	16.000.000	130.000.000
37	Trường THCS Thị trấn Bắc Hà	1081796	622-070-073	89.000.000				16.000.000	73.000.000
38	Trường THCS Na Hối	1127117	622-070-073	65.000.000				16.000.000	49.000.000
39	Trường THCS Bảo Nhai	1127113	622-070-073	64.000.000				16.000.000	48.000.000
40	Trường THCS Nậm Mòn	1126579	622-070-073	16.000.000			16.000.000		
41	Trường PTDTBT THCS Nậm Lúc	1133055	622-070-073	32.000.000			16.000.000	16.000.000	
42	Trường PTDTBT THCS Thái Giàng Phố	1126566	622-070-073	16.000.000			16.000.000		
43	Trường PTDTBT THCS Nậm Đét	1133076	622-070-073	39.000.000			16.000.000		23.000.000
44	Trường PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	1130872	622-070-073	-					
45	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 1	1133066	622-070-073	16.000.000			16.000.000		
46	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 2	1133054	622-070-073	44.000.000			16.000.000		28.000.000
47	Trường PTDTBT THCS Cốc Lầu	1132240	622-070-073	32.000.000			16.000.000	16.000.000	
48	Trường PTDTBT THCS Bản Phố	1127115	622-070-073	136.000.000			16.000.000		120.000.000
49	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Van Chư	1132233	622-070-073	16.000.000			16.000.000		
50	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 1	1133071	622-070-073	53.000.000			16.000.000	16.000.000	21.000.000
51	Trường PTDTBT TH&THCS Tả Cù Tỷ 2	1133051	622-070-073	70.000.000			16.000.000		54.000.000
52	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	1127950	622-070-073	16.000.000			16.000.000		
53	Trường PTDTBT TH&THCS Lũng Cái	1127112	622-070-073	91.000.000			16.000.000		75.000.000
54	Trường PTDTBT TH & THCS Bản Liền	1126567	622-070-073	89.000.000			16.000.000		73.000.000
55	Trường PTDTBT TH&THCS Bản Cái	1133067	622-070-073	68.000.000					68.000.000
56	Trường TH và THCS Na Hối	1133581	622-070-073	16.000.000			16.000.000		
57	Trung tâm Giáo dục NN- GDTX huyện	1121590	622-070-075	30.000.000		30.000.000			

PHỤ BIỂU THÔNG BÁO DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2025

(Kèm theo thông báo số /TB-TCKH ngày tháng năm 2025 của Phòng Tài chính - KH huyện Bắc Hà)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12									
					Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em Mẫu giáo theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	Kinh phí nấu ăn cho trẻ MN theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ theo Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú theo Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ mẫu giáo theo Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	KP HT học sinh khuyết tật theo Thông tư Liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-LĐTBXH- BTC	Nấu ăn cho trẻ tại các trường mầm non theo NQ 15/2023/NQ-HĐND	Chi phí học tập theo nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của CP
	Tổng cộng			50.767.000.000	32.349.000.000	2.945.000.000	600.000.000	51.000.000	2.584.000.000	857.000.000	10.533.000.000	528.000.000	316.000.000	4.000.000
1	Trường Mầm non Thị trấn Bắc Hà	1081801	622-070-071	122.000.000		53.000.000	60.000.000	1.000.000			8.000.000			
2	Trường Mầm non Thái Giàng Phố	1127116	622-070-071	315.000.000		73.000.000				49.000.000	193.000.000			
3	Trường Mầm non Tà Van Chư	1132241	622-070-071	462.000.000		176.000.000	60.000.000			41.000.000	185.000.000			
4	Trường Mầm non Tà Chải	1127118	622-070-071	244.000.000		182.000.000		16.000.000			38.000.000	8.000.000		
5	Trường Mầm Non Tà Cù Tỷ	1133070	622-070-071	432.000.000		173.000.000	60.000.000			33.000.000	162.000.000			4.000.000
6	Trường Mầm non Nậm Môn	1127122	622-070-071	512.000.000		229.000.000				59.000.000	142.000.000		82.000.000	
7	Trường Mầm Non Nậm Lúc	1133072	622-070-071	444.000.000		176.000.000	60.000.000			43.000.000	165.000.000			
8	Trường Mầm non Nậm Khánh	1127949	622-070-071	255.000.000		106.000.000	60.000.000			21.000.000	68.000.000			
9	Trường Mầm Non Nậm Đét	1133069	622-070-071	294.000.000		78.000.000				94.000.000	47.000.000	16.000.000	59.000.000	
10	Trường Mầm non Na Hối	1095512	622-070-071	394.000.000		206.000.000	60.000.000	15.000.000			113.000.000			
11	Trường Mầm non Lũng Phình	1127126	622-070-071	441.000.000		198.000.000				70.000.000	173.000.000			
12	Trường Mầm non Lũng Cái	1127124	622-070-071	384.000.000		118.000.000	36.000.000			45.000.000	185.000.000			
13	Trường Mầm non Hoàng Thu Phố	1129503	622-070-071	485.000.000		197.000.000				46.000.000	242.000.000			
14	Trường Mầm Non Cốc Ly	1133075	622-070-071	740.000.000		332.000.000	60.000.000			37.000.000	311.000.000			
15	Trường Mầm non Cốc Lầu	1132239	622-070-071	332.000.000		11.000.000	60.000.000			67.000.000	124.000.000		70.000.000	
16	Trường Mầm non Bảo Nhai	1127114	622-070-071	434.000.000		185.000.000	48.000.000	19.000.000		1.000.000	165.000.000	16.000.000		
17	Trường Mầm non Bản Phố	1127111	622-070-071	562.000.000		119.000.000				195.000.000	135.000.000	8.000.000	105.000.000	
18	Trường Mầm non Bản Liền	1127120	622-070-071	405.000.000		266.000.000				26.000.000	113.000.000			
19	Trường Mầm Non Bản Cái	1133050	622-070-071	196.000.000		67.000.000	36.000.000			30.000.000	63.000.000			
20	Trường Tiểu học Thị trấn Bắc Hà	1081800	622-070-072	80.000.000							80.000.000			
21	Trường Tiểu học Na Hối	1081798	622-070-072	49.000.000							49.000.000			
22	Trường Tiểu học Bảo Nhai A	1081803	622-070-072	112.000.000							96.000.000	16.000.000		
23	Trường Tiểu học Bảo Nhai B	1127119	622-070-072	1.161.000.000	667.000.000				248.000.000		198.000.000	48.000.000		
24	Trường PTDTBT Tiểu học Thái Giàng Phố	1095510	622-070-072	1.731.000.000	1.365.000.000						366.000.000			
25	Trường PTDTBT TH Nậm Môn 1	1126581	622-070-072	847.000.000	448.000.000				262.000.000		137.000.000			
26	Trường PTDTB TH Nậm Môn 2	1127123	622-070-072	872.000.000	733.000.000						131.000.000	8.000.000		
27	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Lúc	1133074	622-070-072	1.884.000.000	1.535.000.000						293.000.000	56.000.000		
28	Trường PTDTBT Tiểu học Nậm Đét	1133073	622-070-072	824.000.000	230.000.000				484.000.000		110.000.000			
29	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 1	1127121	622-070-072	883.000.000	733.000.000						150.000.000			
30	Trường PTDTBT TH Lũng Phình 2	1126578	622-070-072	1.145.000.000	985.000.000						160.000.000			
31	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 1	1130873	622-070-072	1.037.000.000	876.000.000						161.000.000			
32	Trường PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 2	1130874	622-070-072	1.141.000.000	971.000.000						170.000.000			
33	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 1	1133052	622-070-072	1.983.000.000	1.616.000.000						367.000.000			

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Mã QHNS	Mã Chương - Loại - Khoản	Cộng	Kinh phí không giao tự chủ - Mã tính chất nguồn kinh phí: 12									
					Kinh phí hỗ trợ học sinh bán trú theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em Mẫu giáo theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	Kinh phí nấu ăn cho trẻ MN theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP	Kinh phí hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ theo Nghị quyết 29/2020/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho học sinh bán trú theo Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ tiền ăn cho trẻ mẫu giáo theo Nghị quyết 15/2023/NQ-HĐND	Kinh phí hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP	KP HT học sinh khuyết tật theo Thông tư Liên tịch 42/2013/TTLT-BGDĐT-LĐTBXH- BTC	Nấu ăn cho trẻ tại các trường mầm non theo NQ 15/2023/NQ-HĐND	Chi phí học tập theo nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/05/2017 của CP
34	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Ly 2	1133068	622-070-072	1.237.000.000	985.000.000						252.000.000			
35	Trường PTDTBT Tiểu học Cốc Lầu	1132238	622-070-072	1.276.000.000	985.000.000						251.000.000	40.000.000		
36	Trường PTDTBT Tiểu học Bán Phố	1095511	622-070-072	1.019.000.000	657.000.000				112.000.000		218.000.000	32.000.000		
37	Trường THCS Thị trấn Bắc Hà	1081796	622-070-073	44.000.000							44.000.000			
38	Trường THCS Na Hối	1127117	622-070-073	53.000.000							37.000.000	16.000.000		
39	Trường THCS Bảo Nhai	1127113	622-070-073	407.000.000					215.000.000		168.000.000	24.000.000		
40	Trường THCS Nậm Mòn	1126579	622-070-073	828.000.000	577.000.000				91.000.000		160.000.000			
41	Trường PTDTBT THCS Nậm Lúc	1133055	622-070-073	1.599.000.000	1.393.000.000						206.000.000			
42	Trường PTDTBT THCS Thái Giàng Phố	1126566	622-070-073	1.708.000.000	1.407.000.000						293.000.000	8.000.000		
43	Trường PTDTBT THCS Nậm Đét	1133076	622-070-073	723.000.000	235.000.000				393.000.000		87.000.000	8.000.000		
44	Trường PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	1130872	622-070-073	1.748.000.000	1.498.000.000						250.000.000			
45	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 1	1133066	622-070-073	1.471.000.000	1.246.000.000						217.000.000	8.000.000		
46	Trường PTDTBT THCS Cốc Ly 2	1133054	622-070-073	968.000.000	786.000.000						158.000.000	24.000.000		
47	Trường PTDTBT THCS Cốc Lầu	1132240	622-070-073	1.158.000.000	990.000.000						168.000.000			
48	Trường PTDTBT THCS Bán Phố	1127115	622-070-073	1.014.000.000	786.000.000				54.000.000		134.000.000	40.000.000		
49	Trường PTDTBT TH&THCS Tà Van Chư	1132233	622-070-073	2.381.000.000	1.925.000.000						448.000.000	8.000.000		
50	Trường PTDTBT TH&THCS Tà Cù Tỷ 1	1133071	622-070-073	1.838.000.000	1.550.000.000						280.000.000	8.000.000		
51	Trường PTDTBT TH&THCS Tà Cù Tỷ 2	1133051	622-070-073	1.561.000.000	1.303.000.000						242.000.000	16.000.000		
52	Trường PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	1127950	622-070-073	1.213.000.000	999.000.000						206.000.000	8.000.000		
53	Trường PTDTBT TH&THCS Lũng Cái	1127112	622-070-073	3.114.000.000	2.547.000.000						527.000.000	40.000.000		
54	Trường PTDTBT TH & THCS Bàn Liền	1126567	622-070-073	1.866.000.000	1.474.000.000						368.000.000	24.000.000		
55	Trường PTDTBT TH&THCS Bàn Cái	1133067	622-070-073	1.107.000.000	847.000.000						220.000.000	40.000.000		
56	Trường TH và THCS Na Hối	1133581	622-070-073	179.000.000							179.000.000			
57	Trung tâm Giáo dục NN- GD TX huyện	1121590	622-070-075	1.053.000.000					725.000.000		320.000.000	8.000.000		